

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2014/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2014; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/2018/QĐST/DS ngày 10/01/2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị M, sinh năm 1953; Trú tại: thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Bà M ủy quyền cho ông K theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018);

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Lê Đình T, sinh năm 1948 và bà Hoàng Thị N sinh năm 1950; Trú tại: thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (bà N ủy quyền cho ông T theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2014 và tại Phiên hòa giải ngày 21/6/2018).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng ông Lê Văn K, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; Trú tại: thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Bà H ủy quyền cho ông K theo văn bản ủy quyền ngày 06/3/2014 và đơn đề nghị ngày 06/3/2018).

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ: phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Đình T đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp cho bà Lê Thị M ngày 17/01/2001.

2.2. Giữ nguyên hiện trạng và công nhận mốc giới giữa thửa 266, 267 tờ bản

đồ số 01 Bản đồ địa chính xã Q của bà Lê Thị M và thửa 1030 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính xã Q của ông Lê Đình T đúng như Sơ đồ mặt bằng ngày 15/10/2018 đối với ranh giới các điểm tiếp giáp giữa các thửa cụ thể như sau:

+ Đối với thửa 266:

- Phía Bắc giáp đường xóm dài 41,35m;
- Phía Nam giáp thửa 1030 dài 22,73m và thửa 267 dài 19,48m.
- Phía Đông giáp đường 12B dài 37,62m.
- Phía Tây giáp suối.

+ Đối với thửa 1030:

- Phía Bắc giáp thửa 266 dài 22,73m;
- Phía Nam giáp phần diện tích đất ông T đã san lấp suối dài 20,77m;
- Phía Đông giáp đường 12B dài 32,19m.
- Phía Tây giáp suối dài 16m và thửa 267 dài 16m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.3. Bà Lê Thị M có nghĩa vụ tháo dỡ cột dây thép gai, di chuyển các vật liệu trên phần đất nhà ông T để trả lại mặt bằng cho nhà ông T.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5. Về án phí: Bà Lê Thị M và ông Lê Đình T được miễn toàn bộ án phí dân sự; hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/07274 ngày 02/01/2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình